TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 8 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Mỹ T. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Liêu Út N. Cư trú tại: Ấp X, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 6 năm 2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trương Mỹ T thể hiện*:

Về hôn nhân: Chị và anh Liêu Út N kết hôn vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Đ. Khi về chung sống, đến năm 2013 anh Út N bị tai nạn giao thông không đi lại được; chị đã trực tiếp chăm sóc anh Út N và cha, mẹ chồng; thời gian sau mẹ chồng yêu cầu chị đi khỏi nhà và không muốn chị tiếp tục chăm sóc cho anh Út N; mặc dù đã cố gắng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã dẫn theo các con về gia đình cha, mẹ ruột của chị sinh sống và ly thân cho đến nay khoảng hơn 01 năm. Nay chị xác định không thể quay lại hàn gắn, chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn với anh Út N.

Về con chung gồm: Liêu Thị Bích C và Liêu Thị Nhã L do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Út N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

** Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và biên bản ghi lời khai đối với anh Liêu Út N thể hiện*:

Anh thừa nhận quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến ly thân như chị T trình bày là đúng. Khi anh bị tai nạn giao thông, hai chân không đi lại được nhưng tinh thần vẫn tỉnh táo; chị T cũng đã chăm sóc anh tận tình trong suốt thời gian 03 năm sau tai nạn. Trong cuộc sống, do sống chung với gia đình, do mẹ anh đã lớn tuổi nên khó khăn trong sinh hoạt, thường xuyên chửi và đã đuổi chị T đi khoảng gần 01 năm nay. Mặc dù anh không có đưa ra được giải pháp hàn gắn, không khuyên nhủ được mẹ của anh để cùng chị T quay lại chung sống nhưng do còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Như chị T trình bày, hiện nay anh là con trai út sống chung cùng cha, mẹ và đang quản lý, sử dụng phần đất khoảng 30 công nuôi tôm cũng có thu nhập ổn định nên khi Tòa án cho ly hôn thì anh xin nuôi Nhã L.

Về tài sản và nợ: không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 84 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Cho chị Trương Mỹ T ly hôn với anh Liêu Út N.

- Về con chung: Giao Liêu Thị Bích C và Liêu Thị Nhã L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Liêu Út N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Út N là đúng quy định pháp luật.

[1] Về hôn nhân: Chị Trương Mỹ T và anh Liêu Út N kết hôn vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Đ. Khi về chung sống, xảy ra mâu thuẫn với cha, mẹ, đến năm 2013 anh Út N bị tai nạn giao thông không đi lại được; chị T đã trực tiếp chăm sóc anh Út N thời gian 03 năm do mẹ chồng đã lớn tuổi, khó khăn trong cuộc sống, sinh hoạt nên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn chửi và đuổi chị T đi; chị T đã về gia đình cha, mẹ ruột của mẹ sinh sống và ly thân cách nay hơn 01 năm.

Từ nguyên nhân đó, chị T xác định mặc dù đã cố gắng nhưng không thể quay lại hàn gắn, chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn với anh Út N. Theo anh Út N thì không đưa ra được giải pháp hàn gắn, không khuyên nhủ được mẹ của anh để cùng chị T quay lại chung sống nhưng do còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T

[2] Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

Qua xem xét, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự phù hợp với biên bản xác minh tại ấp X, xã T2 thể hiện: Sau khi anh Út N bị tai nạn giao thông không đi lại được thì chị T đã chăm sóc tận tình, chu đáo trong suốt thời gian 03 năm, vấn đề này đã thể hiện trách nhiệm của chị T đối với anh Út N trong tình nghĩa vợ chồng; anh Út N phải thấu hiểu và chia sẻ sự khó khăn, vất vả của chị T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng anh; và khi trong cuộc sống xảy ra mâu thuẫn với cha, mẹ đáng lẽ ra anh Út N phải là người đứng ra động viên cha, mẹ để đền đáp lại tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc của chị T đối với anh nhưng anh không làm được điều đó và vẫn chấp nhận để mẹ của anh đuổi chị T ra đi khỏi nhà.

Mặt khác, mặc dù anh Út N không đồng ý ly hôn nhưng anh lại không đưa ra được giải pháp để hàn gắn, quay trở lại chung sống. Trong khi đó, vào năm 2009 chị T cũng đã nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Út N tại Tòa án, sau đó chị T rút lại và đã được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vào năm 2010. Điều đó đã thể hiện, mâu thuẫn đã xảy ra từ trước khi anh Út N bị tai nạn giao thông và sau đó lại tiếp

tục xảy ra mâu thuẫn nên hôn nhân của anh, chị không thể hàn gắn trở lại, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Út N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con gồm: Liêu Thị Bích C và Liêu Thị Nhã L do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu xin nuôi cả Bích C và Nhã L, không yêu cầu anh Út N cấp dưỡng nuôi con; anh Út N đồng ý giao Bích C cho chị T nuôi và yêu cầu được nuôi Nhã L việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Tại văn bản ghi nguyện vọng của Bích C thể hiện: Khi cha, mẹ ly hôn thì Bích C có nguyện vọng được chung sống cùng với chị T.

Xét yêu cầu xin nuôi con của các đương sự thấy rằng:

Theo quy định của pháp luật, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên và người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi nuôi dưỡng các cháu và tham khảo ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em, về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân tranh chấp và nguyện vọng của vợ, chồng, con có liên quan đến vụ án theo khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về cơ bản các ý kiến tham khảo đều thống nhất:

Về điều kiện vật chất thì chị T và anh Út N có cuộc sống kinh tế ổn định; chị T được cha, mẹ cho và sử dụng diện tích 25.000m^2 nuôi tôm tại ấp 8B, xã P, huyện P1, tỉnh Bạc Liêu; anh Út N cũng có kinh tế ổn định, là con trai út sống chung cùng cha, mẹ đã lớn tuổi, có đất sản xuất tại ấp X, xã T2, huyện Đ.

Xét về điều kiện chăm sóc, giáo dục: Hiện nay anh Út N bị tai nạn giao thông không đi lại được, không tự chăm sóc được bản thân nên không đảm bảo điều kiện tốt nhất để chăm sóc, giáo dục cho Nhã L. Mặt khác, do Bích C và Nhã L đều là con gái, do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay; về thể chất và tinh thần các cháu phát triển bình thường và đang bước vào năm học mới. Do vậy, khi giao 02 cháu cho chị T nuôi sẽ phù hợp và có điều kiện chăm sóc, hướng dẫn, điều chỉnh về tâm, sinh lý tốt hơn.

Do vậy, để các cháu thực hiện quyền được cha, mẹ thương yêu, tôn trọng và các quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật; được quyền học tập, chăm sóc và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, điều kiện để phát triển về tâm, sinh lý của các cháu; Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem

xét các điều kiện thực tế của các đương sự, thấy rằng cần giữ nguyên Bích C và Nhã L để chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của anh Út N xin nuôi Nhã L là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Liêu Út N.

2. Về con chung: Giao Liêu Thị Bích C và Liêu Thị Nhã L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Út N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009987 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Út N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn